

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829802] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2533B)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Hau
NHTHNB

NHTHNB

Hau
NHTHNB

NHTHNB

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125330047	Trần Mạnh Cường	08/03/2007	CCQ2533B					
2	2125330051	Nguyễn Hải Đăng	30/12/2007	CCQ2533B		Đăng	5.1	7.0	6.2
3	2125330057	Đặng Kiều Thái Đạt	01/07/2007	CCQ2533B		Đạt	5.3	5.0	5.1
4	2125330043	Nguyễn Văn Điệp	27/08/2007	CCQ2533B		Điệp	8.3	9.0	9.1
5	2125330068	Phan Văn Đức	28/06/2007	CCQ2533B		Đức	8.4	6.0	7.0
6	2125330062	Phạm Tuấn Dũng	18/12/2007	CCQ2533B					
7	2125330038	Bùi Nguyễn Hoàng Duy	07/06/2007	CCQ2533B		Duy	5.7	7.5	6.8
8	2125330063	Phan Tiến Duy	15/08/2007	CCQ2533B					
9	2125330037	Lê Ngọc Hải	12/12/2007	CCQ2533B		Hải	5.0	6.5	5.9
10	2125330054	Đào Lưu Công Hậu	26/12/2007	CCQ2533B		Hậu	5.2	6.5	6.0
11	2125330055	Đinh Xuân Hoàng	20/09/2007	CCQ2533B					
12	2125330059	Sơn Minh Hưng	14/06/2002	CCQ2533B		Hưng	9.0	8.0	8.4
13	2125330053	Trần Hồ Viết Quốc Hưng	24/07/2007	CCQ2533B		Hưng	5.4	6.0	5.8
14	2125330041	Nguyễn Quang Huy	06/04/2007	CCQ2533B		Huy	5.0	6.5	5.9
15	2125330049	Phạm Mạnh Khang	15/10/2007	CCQ2533B					
16	2125330067	Nguyễn Trường Thành Luân	03/04/2007	CCQ2533B		Luân	5.0	6.0	5.0
17	2125330056	Đào Hải Nam	08/02/2004	CCQ2533B		Nam	6.5	7.0	6.8
18	2125330045	Ngô Thiện Nhân	13/11/2005	CCQ2533B		Nhân	6.8	6.0	6.3
19	2125330071	Bá Văn Hoàng Phát	25/01/2007	CCQ2533B					
20	2125330048	Nguyễn Hoàng Phát	22/11/2007	CCQ2533B		Phát	5.3	5.0	5.1
21	2125330039	Hoàng Quốc Phong	19/12/2007	CCQ2533B		Phong	6.3	6.5	6.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829803] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2533C)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125330088	Nguyễn Nhật Anh	08/07/2006	CCQ2533C		Anh	5,2	6,0	5,7
2	2125330097	Bùi Quốc Bảo	16/08/2007	CCQ2533C		Bao	5,4	5,0	5,2
3	2125330087	Phạm Gia Đại	20/01/2007	CCQ2533C		Đại	5,8	5,0	5,3
4	2125330096	Nguyễn Thành Danh	31/05/2007	CCQ2533C		Danh	6,0	7,0	6,6
5	2123150054	Trần Thành Đạt	19/05/2005	CCQ2315B					
6	2125330075	Nguyễn Hoàng Anh Đức	23/04/2007	CCQ2533C		Du	5,6	5,0	5,2
7	2125330098	Nguyễn Phạm Hữu Duy	25/02/2006	CCQ2533C		Duy	5,8	8,0	7,1
8	2125330089	Bùi Vũ Hải	23/06/2007	CCQ2533C					
9	2125330076	Trần Minh Hoà	17/05/2007	CCQ2533C			5,4	8,0	7,0
10	2125330103	Nguyễn Minh Hoàng	07/09/2007	CCQ2533C		Hoàng	5,3	7,0	6,3
11	2125330105	Trần Đức Hoàng	15/08/2007	CCQ2533C		Hồng	8,0	9,0	8,6
12	2125330086	Đinh Tố Hữu	03/02/2004	CCQ2533C					
13	2125330083	Phan Ngọc Huy	06/09/2007	CCQ2533C					
14	2125330079	Huỳnh Gia Khang	24/05/2007	CCQ2533C					
15	2125330078	Huỳnh Nguyễn Khang	19/12/2007	CCQ2533C		Khang	8,6	8,0	8,2
16	2125330099	Nguyễn Trường Linh	26/03/2007	CCQ2533C					
17	2125330104	Hoàng Việt Long	16/10/2006	CCQ2533C		Long	6,5	6,0	6,3
18	2125330072	Nguyễn Thành Long	18/03/2007	CCQ2533C		Long	6,0	7,0	6,6
19	2125330100	Đặng Văn Minh	10/07/2002	CCQ2533C		Minh	5,6	7,0	6,4
20	2125330101	Dương Anh Nhựt	25/05/2007	CCQ2533C		Nhật	5,8	6,5	6,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829808] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2533C)
CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi: 15

Hà
Nhiệm
Hà
Nhiệm
Nhiệm
Nhiệm

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150087	Đương Thanh	Đan	03/02/2003	CCQ2315A				
2	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	Huy	6.3	8.0	7.3
3	2125330102	Nguyễn Quang	Phúc	24/12/2007	CCQ2533C	Phúc	5.3	7.0	6.3
4	2125330095	Nguyễn Trọng	Phúc	04/12/2007	CCQ2533C				
5	2125330118	Lãnh Xuân	Thành	16/09/2007	CCQ2533D	Thành	8.7	8.0	8.3
6	2125330186	Đạt Quang	Thuận	10/11/2007	CCQ2533D				
7	2125330082	Mai Văn Trung	Thuận	12/02/2007	CCQ2533C	Thuận	5.3	7.0	6.3
8	2125330200	Nguyễn Vĩnh	Tiến	23/04/2007	CCQ2533D	Tiến	5.3	6.0	5.7
9	2125330136	Văn Hoàn	Tiến	11/11/2007	CCQ2533D	Tiến	7.7	7.0	7.3
10	2125330090	Phan Thái	Toàn	06/06/2007	CCQ2533C	Toàn	6.7	6.0	6.3
11	2125330130	Mai Quốc	Trị	15/05/2007	CCQ2533D	Trị	5.7	7.0	6.5
12	2125330124	Lê Hoàng	Trọng	19/04/2007	CCQ2533D	Trọng	6.0	8.0	7.2
13	2125330077	Đinh Trọng	Trường	02/05/2004	CCQ2533C	Trường	9.2	9.0	9.1
14	2125330074	Thái Nhật	Trường	08/12/2007	CCQ2533C	Trường	5.0	5.0	5.0
15	2125330073	Bùi Nguyễn Anh	Tuấn	07/04/2007	CCQ2533C	Tuấn	6.0	5.0	5.4
16	2125330127	Cao Đỗ Thanh	Tuấn	08/06/2007	CCQ2533D	Tuấn	6.0	6.0	6.0
17	2125330091	Hoàng Tuấn	Văn	10/12/2007	CCQ2533C	Văn	5.3	6.5	6.0
18	2125330140	Đặng Huỳnh Anh	Vũ	22/10/2007	CCQ2533D	Vũ	9.0	7.0	7.8